

BẢN LUẬN QUYỂN 92

Lại có một bài tụng, nói về tham v.v... phẩm thượng thứ ba kia, có mười hai môn:

1. Tham phẩm thượng.
2. Truyền dạy.
3. Trụ khổ.
4. Quán sát.
5. Dẫn phát.
6. Không ứng cúng.
7. Nói về giải thoát.
8. Tu.
9. Luận về Vô ngã.
10. Định.
11. Kiến pháp.
12. Khổ.

Trong Văn xuôi, đầu tiên, trong phần nói về tham của người phẩm thượng, trước, nói về ba nhân khởi tham. Sau, nói về ba nhân đối trị tham:

1. Giữ gìn căn môn.
2. Ăn biết vừa đủ.

3. Chánh niệm, chánh tri hơn hết, trong đó có hai địa vị: Đầu tiên, nói từ phàm nội trở lên, đến quả Nhất lai, là địa vị thứ nhất. Kế là từ quả Bất Hoàn cho đến A-la-hán, là địa vị thứ hai.

Trong phần, biết thọ tướng sinh, diệt với tâm, tư, cũng còn sinh, diệt nữa, là địa vị ban đầu kia.

“ Lại có chánh niệm, chánh tri v.v... ” trở xuống, là địa vị sau kia. Nghĩa là người đã chứng được định Diệt tận, hoặc là đạt được định vô tướng của ba môn giải thoát. Hoặc đã được Nhị thiên trở lên, không có tâm, từ, nghĩa là nương tựa Thánh trụ, thiên trụ: Định vô tướng của diệt định, đều gọi là Thánh trụ. Không có tâm, từ v.v... là Thiên trụ kia.

Hoặc “Từ diệt định khởi xong, mà trụ cho đến “Là gọi là chánh niệm, chánh tri hơn hết”, nghĩa là vì nhập diệt định, không có tâm “năng quán”, nên nói hai thời nhập, xuất trước sau, quán thọ sinh, chỉ có pháp, không có nhân gọi là niệm hơn hết.

“Như dựa vào Diệt định cho đến “Phải biết cũng thế”, hình thức ở trong định Vô Tướng. hoặc quán chân như, hoặc “không” vô ngã, vì nghĩa này nên nói nhất định “Hai thời trước sau, quán tướng sinh, diệt.

Từ địa Tâm, Từ, nhập tâm có tâm, từ. Quán tâm từ kia sinh khởi mà khởi nhằm trái. Chính thức ở tâm không có tâm, từ, không quán sự sinh diệt của Tâm, Từ, nên nêu hai thời trước, sau để quán.

Người ngu không biết chỉ thọ lãnh nạp, chỉ tưởng lấy hình tượng. Ta có thể giác biết, quán sát v.v... Trong đây thuyết sau nói cho đến quả Nhất lai”. Luận tự phán quyết địa vị.

Thứ hai, là giải thích về sự giáo thọ (truyền dạy).

Nói “Phân biệt các xứ trong ngoài, phân tích sắc uẩn, xúc, trở xuống, phân tích các thứ bốn uẩn không đồng. Ba tánh, ba đời, hữu lậu, vô lậu khác nhau, chỉ pháp không có nhân, chỉ bày rõ vô ngã.

Thứ ba, là giải thích khổ trụ.

Thứ tư, là giải thích quán sát, đều như có văn, rất dễ hiểu.

Thứ năm, là giải thích dẫn phát: nói “Năm tướng vắng lặng đã nói như trước. Luận sư Cảnh nói: “Như tự tánh của nhãn căn, nhãn duyên của nhãn căn, nhãn duyên tạp nhểm của nhãn căn cho đến nhãn căn thanh tịnh.”

Có chỗ giải thích: “1- Khéo Điều phục; 2- Khéo Che giấu; 3- Khéo Giữ gìn; 4- Khéo Giữ gìn; 5- Khéo Tu. Là gọi là năm tướng vắng lặng.”

Nói ba khổ: tức dưới đây có ba câu.

Thứ sáu, là giải thích không ứng cúng như văn.

Thứ bảy, là giải thích về giải thoát, trước nói ngoại đạo nói pháp không có lợi. Sau, nói Đức Như lai nói pháp có quả lợi kia, trong đó lại có hai: trước lược nêu nói pháp là được minh và giải thoát. Sau, nói rộng về bốn thứ tu đạo.

Nói “Trong đây trước hết là tu căn đã dẫn”, trước hết, giới học là tu căn đã dẫn.

Nói “Thứ hai là sở dẫn của thứ hai, nghĩa là tâm học thứ hai, là giới học thứ hai đã dẫn, vì trong bốn tu. Giới là thứ hai trong ba học giới là thứ nhất.

Thứ ba, là giới thứ ba đã dẫn, nghĩa là tuệ học thứ ba là tu tâm thứ ba đã dẫn. Tu giới, tu tâm, tu tuệ, đối với nhau đều có ba thứ đã dẫn:

1. Giải thích tu giới. Ba đã dẫn: Giới là tâm đã dẫn. Tâm là tuệ xứ dẫn, tuệ là tu căn đã dẫn.

Ba dẫn của tuệ: Tuệ là giới dẫn, giới là tâm đã dẫn, tâm là tu căn dẫn, nên nói “Ba thứ đối với nhau đều có ba thứ”.

Lại, giải thích: “Lược đầu, tu căn là tu giới đã dẫn, tu tâm là căn đã dẫn. Tu tuệ là tu tâm dẫn.

Lượt thứ hai, là tu căn là tu tâm dẫn, tu giới là tu căn dẫn. Tu tuệ là tu giới dẫn.

Lượt thứ ba, tu căn là cái mà tu tuệ dẫn. Tu giới là tu căn dẫn. Tu tâm là tu giới đã dẫn, nên nói đối với nhau, đều có ba thứ sở dẫn.

Nói “Lại các Bí-sô giữ gìn các căn”, tức tu căn tu tập hạnh mẫu nhiệm v.v..., nghĩa là tu giới. Tâm được chánh định là tu tâm. Thấy như thật nghĩa là tu tuệ.

Thứ tám, là giải thích về tu, trước nói tu bất thiện. Sau, nói khéo tu căn.

Nói “Quán chúng sinh thứ nhất, khởi ý vui vẻ, nghĩa là người thực hành chánh hạnh trước, sau.

Quán chúng sinh thứ hai không khởi ý vui vẻ; là người làm tà hạnh trước, sau.

Quán chúng sinh thứ ba, khởi ý vui vẻ, sinh ý không vui, nghĩa là người đó trước thiện, sau ác. Quán chúng sinh thứ tư, với ý không vui vẻ, đầy đủ khởi ý vui vẻ, là người kia, trước ác, sau thiện.

Quán chúng sinh thứ năm, khởi ý vui vẻ, nghĩa là một hành chánh hạnh. Sinh ý không vui vẻ, nghĩa là một thực hành buông lung, cũng lại sinh khởi ý vui vẻ, không vui vẻ, nghĩa là một thực hành một phần, đôi khi buông lung, hoặc không buông lung.

Lại, đối với năm tùy chuyển, nên tư duy ba thứ đối, nghĩa là năm chuyển dù khác, nhưng lược có ba loại:

1. Vừa ý, tức hoàn toàn thứ nhất và phần ít của ba thứ sau.
2. Không vừa ý, tức hoàn toàn thứ hai và phần ít của ba thứ sau.
3. Vừa ý, tức phần ít của ba thứ sau, vì tưởng vô thường, đối với người thứ nhất không khởi tham ái, vì do tâm từ, nên đối với người thứ hai, không khởi giận dữ. Vì định Vô tướng, nên đối với người thứ ba, không khởi yêu, giận.

Nói “Cảnh ba chuyển”: Chúng năm phẩm, tóm lược làm ba.

Thứ chín, là giải thích vô ngã luận.

Thứ mười, là giải thích định.

Thứ mười một, giải thích kiến chấp pháp. Đều tìm văn, sẽ hiểu.

Thứ mười hai, giải thích môn khổ. Nói “Đối với năm thứ thọ, phát khởi năm chuyển, diệu trí như thật”, nghĩa là tức khởi năm thứ trí nơi năm thọ, nên gọi là năm chuyển.

Trên đây, là lựa chọn xứ. Trong bài tụng chung ở sau, có bốn môn, ba môn trước đã giải thích xong.

Dưới đây, thứ tư giải thích nhiều trụ đẳng, có một bài tụng rười,

nêu mười bốn môn:

1. Một trụ.
2. Xa Niết-bàn.
3. Nói sơ lược.
4. Sở chứng bên trong.
5. Nói tất cả.
6. Biết tướng.
7. Bỏ sở học.
8. Nghiệp.
9. Đẳng.
10. Không.
11. Tùy hành.
12. Hằng trụ.

Trong câu sau cùng, là thầy, trò viên mãn, có hai lần “Lại nữa”. Kế là, chia làm hai môn, như mười hai thứ trước làm mười bốn môn.

Trong Văn xuôi đầu tiên, là giải thích một trụ, trước, bài tụng chung rằng. Sau, nhiều trụ đẳng. Nay, nói một trụ là sao? Luận sư Cảnh nói: “Dường như có trái nhau mà chấp lấy nghĩa đều khác. Nếu khởi tham ái, phát nghiệp, cảm vởi sinh, thì sẽ có nhiều trụ. Nếu dứt trừ các ái thì sinh ở đương lai sẽ không khởi. Chỉ một đời hiện tại, thì gọi là một trụ.”

Luận sư Đạt nói: “Danh từ một nghĩa để đặt tên chương là trái với nhiều trụ, là một trụ.

Trong đây, nói một trụ, ở trước nói nhiều trụ: Trong đây đã đổi thay nhiều trụ để đặt tên.

Thứ hai, là giải thích Niết-bàn.

Thứ ba, là giải thích nói lược, đều như văn, rất dễ hiểu.

Thứ tư, là sở chứng bên trong, như trước nên biết: Có thể dẫn chín mươi văn, nghĩa là trong hiện pháp cho đến “Có và chẳng có”, nói là hiện pháp mười hai xứ tăng thượng sinh ra tạp nhiễm. như thật biết rõ chưa dứt trừ hẳn “có” đã dứt trừ “chẳng có”.

Thứ năm là giải thích nói tất cả.

Thứ sáu là giải thích biết tướng, đều như văn, rất dễ hiểu.

Thứ bảy là giải thích xả sở học, như văn.

Thứ tám là giải thích về Nghiệp.

Nói: “Lại, ở trong đây cho đến “cũng thế”, ái hiện tại, thãm nhuần nghiệp trước. Vị lai thãm nhuần nghiệp hiện tại v.v.... Về mặt lý, thật ra nghiệp đối với sáu xứ, đều là duyên tăng thượng. Luận chủ muốn phân

biệt nhân của ba thời, nên nói nhân và nhờ vào duyên.

Thứ chín, giải thích về môn đã chấp lấy của chữ “đẳng” Luận sư Cảnh nói: “Ý hỏi “Hữu sau sinh, khởi do hai thứ duyên: 1- nghiệp, 2- ái; mà chỉ nói tùy nghiệp mà làm, không nói tùy ái là vì sao? Dưới đây sẽ giải thích.

Đầu tiên, là nói về dục ái vì phát nghiệp ác, nên mới đọa vào đường ác. Kế là, nói vì ái phát nghiệp thiện, nên mới sinh cõi thiện. Chẳng phải trực tiếp do ái, được sinh các đường, nên chỉ nói nghiệp, vì nghiệp là nhân gần. Xúc, tương ứng với văn, tư, gọi là chung là nói về xúc. Luận sư Đạt nói: “Nói về xúc: “Rằng vô lậu tương ứng với số xúc. Lại, rằng xúc hữu lậu này chẳng phải vô minh, nên nói là xúc minh.

Thứ mười, là giải thích “không”. Luận sư Cảnh nói: “Trong ngoài cảnh, giả gọi là cũng nói là có quả và có thọ, nghĩa là quả thọ đó đôi khi là không, hiện đời có thể được, như đất không có chủ, gọi là thọ, giả không. Như thế, gọi là Thế đế “không”.

Nói “Phải biết trong đây cho đến “Vị đã thật có”, nghĩa là pháp chưa có, nhân sinh nay có. Vị lai đã có, không nên sinh lại. Đây là chính pháp Tát-Bà-Da. Nếu hành, hữu ở quá khứ, không nên gọi là diệt. Lại, trong hành sinh diệt ở sát-na, chỉ có các hành tạm thời có thể được cho đến “Gọi là mé giữa là không”, cũng là thường “không”, vì tạm không có ngừng lại, cũng là ngã “không”, vì chỉ hành không có nhân. Lại, tất cả pháp đều không có tác dụng. Có một ít pháp có thể sinh một ít pháp, nghĩa là trong thể của pháp, tìm kiếm tướng dụng của nó, hoàn toàn không thật có, nên gọi là không có tác dụng. Dựa vào thế tục đế, giả lập tác dụng, nói là pháp này sinh ra pháp kia.

Luận sư Đạt nói: “Trong đó có ba: 1- Nói về nghĩa “không”. 2- “Phải biết trở xuống là pháp nghĩa Tát-bà-đa nhất định có pháp thể ba đời trong đó có hai: ban đầu là pháp chấp ba đời thật có, hai là nên biết cũng là ngã thường không trở xuống, so sánh pháp thường “không”, “ngã không” v.v...

Trong pháp ba đời có ba đoạn văn: Đầu tiên là phá mé sau, trong đó, trước dùng đạo lý để phá:

“Nếu có việc này v.v... trở xuống, là lập lượng phá:

Nếu nói các pháp vị lai thật có thể tánh, thì các pháp đó không nên sinh, (lập tông). Vì đã thật có, là nhân như vô vi, là dụ.”

Nói “Lại, không nên có vô thường có thể được, (lập tông). Vì thường trụ, (nhân). Cũng như hư không, dụ.

Đã “có” có thể được v.v... trở xuống, là kết thuận, thành chánh

nghĩa. Trong phá bờ mé trước, tướng văn bờ mé, có thể biết.

Thứ mười một, giải thích tùy hành. Luận sư Cảnh nói:

1- Đối với cảnh giới sở duyên của “chủ thể thuận với Hỷ”.

2- Thuận theo mà thực hành tâm sâu sắc mừng vui.

3- Không đúng chánh lý chấp lấy tướng kia. Phát sinh tham dục.

4- Thường khởi tìm kiếm.

5- Nhân đây, thực hành rộng phước, phi phước v.v...

Pháp sư Thái nói: “ Muốn nói về mười tám ý hạnh, không so sánh danh số, chỉ có nghĩa kia.”

Luận sư Đạt: “Năm thứ tướng:

1. Thuận theo cảnh vui mừng mà thực hành.

2. Chấp tướng không đúng lý, mà phát tham.

3. Thường khởi Tâm, Tư.

4. Tìm kiếm phương tiện.

5. Nhân phương tiện này, thực hành rộng hạnh phước, phi phước, trong đây y cứ ở môn mười tám ý hạnh để nói. Ba nghĩa là hạnh sáu hỷ, hạnh sáu ái và hạnh sáu xả. Đã nói hạnh sáu hỷ. “Như có thể v.v... trở xuống. Là So sánh nói về sáu ưu, sáu xả.”

Thứ mười hai, là giải thích thường trụ, tức sáu thường trụ.

Hỏi: “Mừng và hớn hở, buồn và lo có gì khác nhau?”

Giải thích: “Mừng, và lo gọi là hẹp, vì chỉ ở thọ. Hớn hở, và buồn gọi là rộng, vì tham giận khắp và xả thọ”.

Thái Pháp sư lại cho rằng: “Vì đối trị với mười tám ý hạnh ở trước, nên nói mười tám thanh tịnh. Điều này cũng có nghĩa không nêu danh số.

Thứ mười ba, là giải thích thứ lớp viên mãn lượt trước. Luận sư Cảnh nói: “Muốn cho ngộ nhập các thọ sở hữu vì đều là khổ, nên nói chỗ nương tựa của thọ, ấy là sáu căn. Nói “Nhân duyên kia” là xúc. Nói “hay tạp nhiễm”, nghĩa là các pháp phiền não đồng thời với thọ. Cái có tùy hành, được nói là “bị đối trị” và “năng đối trị”.

Kế là câu an lập, nghĩa là mười tám ý hạnh, hạnh nhiễm: sáu ưu, sáu hỷ, sáu xả. Đại sư nói là Câu bị đối trị. Sáu lìa ưu, sáu lìa hỷ, xuất ly xả. Đại sư nói là hạnh của chủ thể đối trị, tức gọi là Câu của sư. Lại, dựa vào hạnh lợi mình, giảng nói ba thứ niệm trụ v.v... không chung.”

Hỏi: “Ba niệm, tức là Phật. Không tham với hạnh siêng năng tu đạo, không giận đối với các đế, trong đó tiếp nhận không si. Đối với ba niệm, cảnh ba niệm v.v... tâm thương xót lẽ ra là lợi người, sao gọi là tự?”

Giải thích: “Về mặt lý, cũng có cả hai. Chính mình lìa lỗi của ba nghiệp, gọi là lợi mình. Dùng ba niêm trụ khiến người khác làm, tức là lợi người.”

Luận sư Đạt nói: “Câu Đại sư đã nói các sư trong đây, nên nói là Câu của sư. Lại, nói “Vì đại sư của ngoại đạo đã nói, nên nói là Câu sư, nhưng như thuyết trước là tốt.

Thứ mười bốn, giải thích lượt sau, giải thích lại thứ lớp hai viên mãn. Như văn, rất dễ hiểu.
